TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2019/DS-PT
Ngày: 20-6-2019
Về việc tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: 1- Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

2- Bà Nguyễn Diệu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2019/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2019 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện A bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 133/2019/QĐ-PT ngày 05/6/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lưu Kim P, sinh năm 1958

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị C, sinh năm 1954

Địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Phan Thị C

(Hai đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Lưu Kim P trình bày:**

Vào ngày 12/01/2015 Âm lịch, bà có cho bà Phan Thị C vay số tiền 25.000.000 đồng, có làm biên nhận, biên nhận do bà Phan Thị C viết. Hai bên thỏa thuận lãi suất 300.000 đồng /tháng/10.000.000đồng, tức là mỗi tháng trả tiền lãi là 750.000 đồng. Từ khi bà cho bà Phan Thị C vay đến nay thì bà C không trả cho bà tiền gốc và lãi. Nay bà yêu cầu bà Phan Thị C trả cho bà tiền gốc vay còn nợ nêu trên là 25.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi, yêu cầu trả đủ một lần trong thời hạn một tháng kể từ ngày 20/3/2019, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Việc bà Phan Thị C nói bà cho bà C vay số tiền gốc 35.000.000 đồng là không có, mà bà chỉ cho bà C vay số tiền 25.000.000 đồng tiền gốc nêu trên.

*** Bị đơn bà Phan Thị C trình bày:**

Vào ngày 13 và ngày 30/7/2011 Âm lịch, bà có vay của bà Lưu Kim P số tiền 35.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất mỗi tháng bà trả lãi cho bà P là 1.750.000 đồng. Đến tháng 3/2016, bà trả cho bà P 10.000.000 đồng, bà còn nợ bà P 25.000.000 đồng tiền gốc, khi đó bà trả không nổi nên bà thỏa thuận với bà P là bà góp tiếp cho bà P mỗi ngày 200.000 đồng, sau đó bà góp được 01 tháng 20 ngày với số tiền 10.000.000 đồng, còn lại 15.000.000đồng, bà và bà P tính sổ có bà sáu H (ở Thứ T1, huyện A, tỉnh Kiên Giang) biết và bà hẹn trả số tiền 15.000.000 đồng trong thời hạn là 03 vụ lúa (18 tháng). Tuy nhiên từ khi hẹn đến nay bà không trả được cho bà P. Nay bà xác định còn nợ bà P là 15.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà P số tiền vay gốc còn nợ là 15.000.000đồng, bà xin trả mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi xong nợ. Khi bà trả tiền cho bà P từng lần nói trên không ai biết, chỉ có bà và bà P, ngoài ra không có ai khác vì bà trả cho bà P nhiều nơi khác nhau do bà đi bán bánh gặp bà P ở đâu thì trả góp cho bà P ở đó.

*** Tại bản án sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện A đã quyết định:**

- Buộc bà Phan Thị C phải có nghĩa vụ trả cho bà Lưu Kim P tiền vay vốn gốc là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 25/4/2019 bà C kháng cáo yêu cầu xác minh người làm chứng là vợ chồng ông V, bà H và các con về việc bà và bà P đã chốt nợ; bà xin được trả số nợ còn lại cho bà P số tiền 15.000.000đồng mỗi tháng 1.000.000đồng từ tháng 6/2019.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc bà Phan Thị C trả cho bà số tiền vay vốn gốc là 25.000.000 đồng.

Còn bà C xin được trả số nợ còn lại cho bà P số tiền 15.000.000đồng mỗi tháng 1.000.000đồng từ tháng 6/2019.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo biên nhận ngày 12 tháng giêng năm 2015, bà Phan Thị C viết nội dung thể hiện bà C nợ bà P số tiền 25.000.000đồng (bút lục số 23), bà C thừa nhận bà viết biên nhận này. Bà C cho rằng từ ngày 13 đến ngày 30/7/2011 âm lịch, bà có vay tiền của bà P với số tiền là 35.000.000 đồng, sau đó bà trả cho bà P nhiều lần từ năm 2014 đến tháng 11/2015 bà trả cho bà P 20.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền vốn là 15.000.000 đồng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh lời trình bày của bà.

Còn người làm chứng bà C yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xác minh, tuy nhiên qua lấy lời khai của bà Võ Tuyết H ngày 20/3/2019 thì bà H khai không biết được bà C vay tiền của bà P số tiền vốn là bao nhiêu, còn nợ bà P bao nhiêu tiền (bút lục 39). Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà C.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà C xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng từ tháng 6/2019 đến khi hết nợ là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ, theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 /TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân

dân tối cao -Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: *"Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án"*. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà C. Trường hợp bà C thực sự khó khăn, không có khả năng trả một lần thì có thể làm đơn để cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[3] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà C. Giữ nguyên bản án số 04/2019/DS-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện A.

1- Buộc bà Phan Thị C phải có nghĩa vụ trả cho bà Lưu Kim P số tiền vay vốn gốc là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Mức lãi suất hai bên thỏa thuận là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận

về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Phan Thị C vì thuộc đối tượng người cao tuổi. Hoàn trả cho bà C tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001767 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà P tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005753 ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện A;
- THA dân sự huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhiên